

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vũ L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, TP. X, tỉnh Bình Phước

*Bị đơn:* Anh Đinh V, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ L và anh Đinh V chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố X, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường hay cãi nhau. Vợ chồng luôn bất đồng trong việc xử lý mọi vấn đề từ sinh hoạt cho đến tiền bạc, công việc. Gia đình hai bên có biết và có can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống vì mỗi người mỗi tính nên cha mẹ hai bên không hòa giải được. Vợ chồng chị L, anh V đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V

Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh V đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh V vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh V được.*

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn chị Vũ L xin xét xử vắng mặt, anh Đinh V vắng mặt không có lý do

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đã chấp hành đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy:

Chị L, anh V chung sống với nhau vào năm 2021 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh chị thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chị Vũ L được ly hôn với anh Đinh V.

Về con chung, tài sản chung: Không có nên không đề cập

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Vũ L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Đinh V có nơi cư trú tại tổ 2, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đinh V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Chị Vũ L và anh Đinh V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố X, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án chị L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường hay cãi nhau. Vợ chồng anh chị luôn bất đồng trong việc xử lý mọi vấn đề từ sinh hoạt cho đến tiền bạc, công việc. Gia đình hai bên có biết và có can thiệp, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống vì mỗi người mỗi tính nên cha mẹ hai bên không hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân hơn từ tháng 11/2021 cho đến nay. Điều này phù hợp với lời trình bày của bà Hồ A mẹ ruột của chị L. Xét thấy, giữa chị L và anh V chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L cho chị L được ly hôn với anh V.

[4.3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà chị Vũ L phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Vũ L được ly hôn với anh Đinh V

2. *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Vũ L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011847 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã T, TP. X
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Thị Ngọc Thanh**

